

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023,
triển khai nhiệm vụ công tác năm 2024

Kính gửi: Kỳ họp thứ Mười hai, Hội đồng nhân dân huyện khóa XIII.

Ủy ban nhân dân huyện kính báo cáo trước kỳ họp thứ Mười hai, HĐND huyện khóa XIII về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024, cụ thể như sau:

A. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy và Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện đã ban hành kế hoạch hành động, tổ chức giao kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương, dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023 đúng theo các quy định, hướng dẫn của cấp trên; đơn đốc triển khai các nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm và rà soát hoàn thành các nhiệm vụ còn lại của năm 2022; chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chương trình hành động về: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển đô thị; phát triển du lịch; về vệ sinh môi trường và thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; tham mưu Ban chấp hành Đảng bộ huyện ban hành nghị quyết và Chương trình hành động về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tuyên truyền, vận động hiến đất để xây dựng đường giao thông trên địa bàn huyện đến năm 2030 và hoàn thành việc bổ sung xây dựng công tác quy hoạch tổng thể của huyện tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong điều kiện chung còn gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện, sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các xã, thị trấn, nhân dân và các doanh nghiệp trong toàn huyện, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

I. Công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện

- Các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội đã được huyện triển khai tích cực, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, du lịch sôi động hơn, tạo cú hích cho sự phục hồi kinh tế khi dịch bệnh được kiểm soát trên địa bàn huyện. Tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2023 của huyện tiếp tục khởi sắc trên nhiều lĩnh vực; một số ngành, lĩnh vực đã có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2022 như: Nông nghiệp, công nghiệp-xây dựng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng,..;

- Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, kỷ luật lao động, thực hiện nghiêm chế độ làm việc theo quy định;

- Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, phòng trừ bệnh hại trên cây trồng; triển khai trồng cây phân tán năm 2023; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023; triển khai các

biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm..., không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; triển khai kế hoạch tiêm phòng Vaccin trên đàn vật nuôi; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng khai thác, lấn chiếm đất rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, nhất là khu vực biên giới; đồng thời đẩy nhanh tiến trồng rừng năm 2023 theo kế hoạch đề ra;

- Tập trung xử lý, giải quyết các vụ việc liên quan đến tranh chấp đất đai; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường; thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn các công trình đầu tư công, vốn sự nghiệp, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng kế hoạch đề ra; chỉ đạo tập trung thu ngân sách, nhất là các khoản thu mới phát sinh, xử lý các khoản nợ thuế, nợ tiền sử dụng đất;

- Tập trung triển khai thực hiện chu đáo kế hoạch phục vụ Tết Nguyên đán năm 2023; cấp phát kịp thời kinh phí hỗ trợ Tết, gạo cứu đói trong dịp Tết và đói giáp hạt đến tận tay các đối tượng thụ hưởng; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn, đặc biệt là giảm nghèo cho đối tượng chính sách và người đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác phòng, chống đuối nước ở trẻ em; tập trung thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giải quyết việc làm, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch;

- Chỉ đạo thực hiện việc dạy, học đảm bảo chất lượng; bàn giao học sinh về địa phương quản lý và phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trực bảo vệ cơ sở vật chất trong dịp hè; hoàn thành xét tốt nghiệp bậc tiểu học, THCS và tổ chức thi tốt nghiệp THPT; thực hiện việc sắp xếp, điều chuyển giáo viên, cán bộ quản lý cho các đơn vị trường học còn thiếu để đảm bảo cho năm học 2023-2024;

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; tăng cường công tác trực cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền Mừng đảng, Mừng xuân Quý Mão năm 2023; tăng cường quản lý các hoạt động vui Xuân, đón Tết đảm bảo an toàn, tiết kiệm phù hợp với thuần phong mỹ tục, tập quán của địa phương;

- Triển khai có hiệu quả công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã-thị trấn triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo tình hình an ninh chính trị-TTATXH trên địa bàn; tăng cường tuần tra, kiểm soát, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ; tăng cường công tác quản lý các hoạt động tôn giáo trên địa bàn huyện. Hoàn thành công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp xã năm 2023; tổ chức tốt đợt giao quân năm 2023 theo số lượng chỉ tiêu trên giao. Duy trì tốt công tác tiếp công dân, tập trung xử lý, giải quyết các đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị do UBND tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh và Huyện ủy tổ chức.

II. Về tình hình kinh tế-xã hội, An ninh-quốc phòng, đối ngoại năm 2023

Trong năm 2023, tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) trên địa bàn ước đạt 14.422,4 tỷ đồng, đạt 101%KH, tăng 12,25% so với năm 2022; trong đó ngành nông-lâm nghiệp-thủy sản ước đạt 4.991,4 tỷ đồng, đạt 100,1% KH, tăng 6,7%; công nghiệp-TTCN-

xây dựng ước 5.149 tỷ đồng, đạt 101,05% KH, tăng 14,52%; thương mại - dịch vụ ước đạt 4.282 tỷ đồng, đạt 102% KH, tăng 16,52%. Thu nhập bình quân đầu người ước tính 49,83 triệu đồng/người/năm, đạt 100,26%KH, tăng 7,51% so với năm trước (tăng 3,48 triệu đồng).

1. Trên lĩnh vực kinh tế

1.1. Về sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Về sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng 51.357,4 ha, đạt 100,2% kế hoạch, tăng 1% so với năm 2022. Các chương trình, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp nông-lâm, hỗ trợ đất trồng lúa và tái canh cây cà phê năm 2023 được triển khai kịp thời, đúng kế hoạch đề ra; trong năm đã trồng được 121.484 cây phân tán, đạt 121,5%KH. Thường xuyên theo dõi tình hình chăn nuôi và hướng dẫn các biện pháp phòng chống các loại dịch bệnh đối với đàn gia súc, gia cầm, đến nay đàn vật nuôi phát triển bình thường chưa phát hiện có dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra¹. Thường xuyên chỉ đạo thực hiện kiểm tra, đánh giá nguồn nước tại các công trình thủy lợi; vận động nhân dân nạo vét, phát dọn kênh mương, tích trữ nước để đảm bảo nguồn nước cho các loại cây trồng trong mùa khô năm 2022-2023; thường xuyên theo dõi, tình hình diễn biến thời tiết trên địa bàn; kịp thời cập nhật và thông báo các bản tin dự báo thời tiết đến các xã, thị trấn.

- Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thực hiện thu quỹ phòng chống thiên tai theo quy định; xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa, lũ năm 2023 nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra²; Triển khai lắp đặt biển cảnh báo, rào chắn ở các địa điểm có nguy cơ xảy ra tai nạn đuối nước trên địa bàn huyện.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tính chung toàn huyện tổng số tiêu chí xã nông thôn mới đạt được đến nay là 172 tiêu chí; bình quân tiêu chí đạt được/xã là 14,3 tiêu chí/xã³, tăng 32 tiêu chí so với đầu năm 2023; xã Ia Khai đã triển khai đạt chuẩn 19/19 tiêu chí, hiện đang hoàn thành các hồ sơ, thủ tục để xét công nhận; trong năm dự ước có 11 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới⁴, đạt 100%KH; nâng tổng số làng đạt chuẩn nông thôn mới của huyện lên 39/118 thôn, làng. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2023, trong năm có 07 sản phẩm đăng ký phân hạng OCOP cấp huyện; trong đó, có 05 sản phẩm được UBND huyện ban hành Quyết định công nhận đạt 03 sao OCOP, 02 sản phẩm đạt từ 70 điểm trở lên và được chuyển hồ sơ đánh giá cấp tỉnh.

¹ Đàn trâu: 497 con, đạt 99,4% KH; Đàn bò 14.903 con, đạt 100,02% KH; Đàn heo 47.209 con, đạt 100% KH; Đàn gia cầm 255.384 con, đạt 102,2% KH; Đàn dê: 1.744 con, đạt 113,2% KH. Nhà yến: 55 nhà, sản lượng tổ yến thô thu được khoảng 61kg; tổng sản phẩm thịt hơi các loại (đối với trâu, bò, heo, gia cầm): 7.916,1 tấn, đạt 100,3% KH; Đàn ong: 37.050 đàn, sản lượng mật thu hoạch 1.852,5 tấn đạt 92,6% KH. Diện tích thủy sản 427,4 ha, trong đó nuôi trồng 47,4 ha; tổng sản lượng thu hoạch kể cả nuôi trồng và khai thác tự nhiên ước đạt 300 tấn cá các loại, đạt 100% KH (nuôi ao, hồ và ô lồng 190 tấn; khai thác tự nhiên 110 tấn).

² Trên địa bàn huyện xảy ra mưa kèm dông, gió lốc và mưa to đã gây thiệt hại tài sản, hoa màu (tóc mái nhà ở, hoa màu sản xuất nông nghiệp, mái công trình phụ, tường rào trụ sở công ty, nhà rông văn hoá.) của 196 hộ dân và các công trình xây dựng, giao thông tại các xã thị trấn, ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 1.752,3 triệu đồng. Các hộ dân bị thiệt hại đã chủ động tiền hành lợp lại mái nhà ở, khắc phục các thiệt hại, đảm bảo chỗ ở và sinh hoạt của gia đình, không có tình trạng hộ dân không có nơi ở, thiếu lương thực thực phẩm do thiên tai gây ra.

³ Cụ thể: xã Ia Sao đạt 15 tiêu chí, xã Ia Dêr đạt 15 tiêu chí, xã Ia Hrug đạt 15 tiêu chí, xã Ia Yok đạt 16 tiêu chí, xã Ia Bă đạt 15 tiêu chí, xã Ia Pêch đạt 11 tiêu chí, xã Ia Chia đạt 12 tiêu chí, xã Ia O đạt 15 tiêu chí, xã Ia Krái đạt 15 tiêu chí, xã Ia Khai đạt 19 tiêu chí, xã Ia Tô đạt 16 tiêu chí, xã Ia Grăng đạt 8 tiêu chí.

⁴ gồm: Thôn 1 xã Ia Krái, thôn Chư hậu 6 xã Ia Bă; làng Jut 1, làng Blang 3 xã Ia Dêr; làng O Pêch xã Ia Pêch; Làng Nủ xã Ia Khai; Thôn 2 xã Ia Hrug; Thôn 1 xã Ia Yok; Thôn Hợp Thành xã Ia Bă; Thôn 6 xã Ia Tô, làng Ô rê 1, xã Ia Grăng.

1.2. Về lâm nghiệp

Tổ chức tuyên truyền, vận động, phổ biến pháp luật bảo vệ rừng được 13 đợt tại các làng thuộc xã Ia Chiã, Ia O, Ia Khai, Ia Pếch và Ia Grăng với 980 lượt người tham gia với nội dung tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; ngoài ra, còn tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng và triển khai kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2022-2023, nhờ triển khai có hiệu quả các giải pháp nên trong năm trên địa bàn huyện không xảy ra vụ cháy rừng nào;

Chỉ đạo ngành chức năng tăng cường công tác trực gác, tuần tra, kiểm soát tại các khu vực trọng điểm về khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng làm nương rẫy, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; từ đầu năm đến nay, tổng số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn là 04 vụ, giảm 12 vụ so với năm trước, đã xử lý hành chính 01 vụ, xử lý hình sự 02 vụ và 01 vụ tạm đình chỉ tin báo tội phạm; trong năm đã trồng hơn 57ha rừng, đạt 122% so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao⁵; hoàn thành kế hoạch giao rừng cho cộng đồng dân cư làng O Grang và De Chí, xã Ia Pếch quản lý, với diện tích hơn 559ha.

1.3. Về Tài nguyên và Môi trường, bồi thường - giải phóng mặt bằng

Thường xuyên chỉ đạo các ngành, các địa phương tăng cường công tác quản lý đất đai, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật; đẩy nhanh công tác thẩm định, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định⁶; đánh giá sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2022 về việc tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và công khai theo quy định; triển khai công tác thống kê đất đai năm 2023, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024; hoàn thành xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 cấp huyện theo quy định; triển khai công tác đấu giá QSD đất đợt 1 đối với 72 lô đất tại khu quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư, đất của UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh bàn giao về địa phương quản lý tại thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai; hoàn thành các hồ sơ, thủ tục và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức đấu giá QSD đất tại các khu quy hoạch xã Ia Sao, Ia O và xã Ia Yok;

Triển khai thực hiện việc lập và thẩm định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng các công trình: Dự án đường vào khu di tích lịch sử Bến đò A Sanh, dự án đường Võ Thị Sáu, Lý Thái Tổ, Trần Phú nối dài thuộc thị trấn Ia Kha, chốt dân quân tự vệ xã Ia Chiã, xây dựng hàng rào và các hạng mục công trình bãi chôn lấp rác thải xã Ia Yok; xây dựng nhà điều hành bãi rác xã Ia Bă...; phối hợp với chủ đầu tư trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi-Pleiku 2 và trạm biến áp 110kV Ia Grai-Nhánh rẽ;

⁵ Diện tích do UBND các xã Ia Bă, Ia Grăng, Ia Pếch quản lý, trồng mới được 7,363 ha, BQL rừng phòng hộ Bắc Ia Grai trồng 37,36ha và Ban QL rừng phòng hộ Ia Grai trồng mới 12,3 ha.

⁶ Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 682 trường hợp, diện tích 124.160,7 m²; cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho 227 hộ gia đình, cá nhân (228 giấy); tổng diện tích 121.373,6 m²; trong đó đất ở 6.448,9 m², đất nông nghiệp 120.728,7 m²; lũy kế số giấy chứng nhận QSDĐ cấp từ trước tới nay: 45.807 giấy. Tổng diện tích 36.738,37 ha. Tỷ lệ cấp đạt 99,67%.

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý về môi trường, khoáng sản trên địa bàn, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm⁷;

Triển khai, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ về vệ sinh môi trường và thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện năm 2023 theo Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 08/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Ia Grai, khóa XVIII; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện công tác thu gom và xử lý rác sinh hoạt; đồng thời đã thành lập được các tổ thu gom và xử lý rác sinh hoạt tập trung, hoặc hợp đồng đơn vị thu gom và xử lý rác sinh hoạt tập trung tại địa phương trong năm 2023; tỷ lệ số người dân được thu gom và xử lý rác tập trung tại đô thị đạt 89,15%, tăng 0,75% so với năm trước; khu vực nông thôn, tỷ lệ người dân được thu gom và xử lý rác sinh hoạt tập trung đạt 58,2%, tăng 0,2% so với năm trước (đạt mục tiêu kế hoạch đề ra).

1.4. Thương mại - dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn huyện năm 2023 ước đạt 4.131 tỷ đồng, đạt 100,15% KH, tăng 15,01% so với cùng kỳ năm trước; các sản phẩm bán lẻ chủ yếu như: Hàng gia dụng, nông sản, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng, cung ứng kịp thời cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân trên địa bàn;

Tăng cường thực hiện công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trên địa bàn, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán; nhìn chung, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân phong phú, đa dạng, đảm bảo chất lượng, giá cả tương đối bình ổn; triển khai công tác kiểm tra, giám sát việc kinh doanh các mặt thiết yếu, không để xảy ra trường hợp hàng giả, hàng nhái, găm hàng, nâng giá, đầu cơ trục lợi.

1.5. Về Công nghiệp-TTCN-GTVT

- Giá trị sản xuất Công nghiệp - Xây dựng năm 2023 ước đạt 5.149 tỷ đồng, đạt 101,05% so với KH, tăng 14,52% so với cùng kỳ năm trước⁸;

- Về vận tải: khối lượng vận chuyển hàng hoá 803.000 tấn; khối lượng luân chuyển hàng hoá 56.434 nghìn tấn.Km; khối lượng vận chuyển hành khách 2.112 nghìn hành khách; khối lượng luân chuyển hành khách 362,17 triệu HK.Km;

- Chỉ đạo ngành chức năng, chính quyền địa phương tăng cường công tác kiểm tra, xử lý, giải tỏa các trường hợp buôn bán lấn chiếm vỉa hè, lòng, lề đường dọc tỉnh lộ 664 và các tuyến đường xung quanh chợ huyện, để đảm bảo mỹ quan và trật tự an toàn giao thông; cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền cho 69 công trình xây dựng với diện tích xây dựng 13.539,02 m², diện tích sàn 15.859,99 m².

- Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ia Khai năm 2035; triển khai các thủ tục điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ia O, xã Ia Hrug, xã Ia Pếch, xã Ia Chiã đến năm 2035; giao đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp cũ, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tỷ lệ 1/500 cho UBND

⁷ Xử lý vi phạm hành chính 01 trường hợp chăn nuôi heo tại xã Ia Pếch không có giấy phép môi trường theo quy định; 02 trường hợp khai thác cát trái phép xã Ia Khai, với tổng số tiền 72 triệu đồng và tịch thu toàn bộ phương tiện, tang vật vi phạm.

⁸ một số sản phẩm chủ yếu: Điện thương phẩm ước thực hiện 4.002 triệu KWh; phân vi sinh 36.970 tấn; Đá xây dựng 226 nghìn m³; Mộc dân dụng 563 m³; Xay xát lương thực 24.651 tấn; Sản phẩm cơ khí 398,3 tấn.

thị trấn Ia Kha quản lý; triển khai các thủ tục lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Ia Grai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển đô thị; Nghị quyết về phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và triển khai đánh giá kết quả thực hiện; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 57%, đạt 103,63%KH, tăng 13,1% so với năm trước; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 99,6%, đạt 100%KH và bằng so với năm trước;

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết và Chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tuyên truyền, vận động hiến đất để xây dựng đường giao thông trên địa bàn huyện đến năm 2030.

1.6. Về tài chính - ngân sách- xây dựng cơ bản

- Tổng thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn, ước thực hiện năm 2023: 858.455 triệu đồng đạt 163% kế hoạch tỉnh giao và đạt 130% Nghị quyết HĐND giao, tăng 23% so với thực hiện năm 2022 (*năm 2022: 700.262 triệu đồng*); trong đó, phần huyện thu trên địa bàn ước: 167.179 triệu đồng, đạt 186% dự toán tỉnh giao, đạt 74% dự toán HĐND huyện giao, tăng 11% so với số thực hiện năm 2022 (*năm 2022: 150.747 triệu đồng*);

- Tổng chi Ngân sách Nhà nước ước thực hiện năm 2023: 788.378 triệu đồng, đạt 153% so kế hoạch tỉnh và đạt 124% dự toán HĐND huyện giao. Kịp thời bổ sung kinh phí cho các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị hành chính cấp huyện về các khoản như: Chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp mới theo quy định của Chính phủ, giải quyết kịp thời kinh phí cho các hoạt động đột xuất về an ninh - quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh... ;

- Cấp mới cấp 372 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với tổng số vốn: 40.756 triệu đồng, trong đó: cấp mới 295 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp đổi 77 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trong năm, ước có 30 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 100% KH; thực hiện kêu gọi đầu tư và rà soát điều chỉnh, bổ sung thông tin và tiếp tục đưa vào danh mục thu hút đầu tư giai đoạn 2023-2025 đã được Ban Thường vụ phê duyệt 19 dự án đang tổ chức thu hút, kêu gọi đầu tư, trong đó có 05 dự án lĩnh vực du lịch⁹; 02 dự án về lâm nghiệp¹⁰; 02 dự án về giao thông vận tải¹¹; 03 dự án thương mại¹²; 04 dự án về nông nghiệp, chăn nuôi¹³; 02 dự án về xây dựng, hạ tầng¹⁴; 01 dự án giáo dục - đào tạo¹⁵. Tiếp tục theo dõi, kiểm tra các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư triển khai thực hiện đúng tiến độ; đề nghị UBND tỉnh, Sở Công thương xét chọn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ia Grai và hoàn thành hồ sơ quy hoạch chi tiết dự án Cụm công nghiệp (cũ)...;

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai có hiệu quả Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước

⁹ Dự án khu du lịch bờ Đông Sông Pô Cô (bao gồm khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sê San 4 và Điểm du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thác Mơ); Dự án du lịch Homestay hồ Ku Tong; Điểm di tích lịch sử Chư Nghe và Bến đò A Sanh; Điểm du lịch sinh thái thác Chín tầng; Dự án “Khu biệt thự nghỉ dưỡng VS PHOENIX VILLA” tại xã Ia Hrug;

¹⁰ Dự án trồng rừng Ia Chía, Ia Grăng.

¹¹ Bến xe huyện Ia Grai; Bến xe cánh Tây huyện Ia Grai.

¹² Dự án xây dựng Siêu thị kết hợp dân cư tại Tổ dân phố 2, Thị trấn Ia Kha; Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ huyện; Dự án Công cộng Thương mại, dịch vụ.

¹³ Dự án đầu tư chăn nuôi heo tại xã Ia Chía; Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Dự án sản xuất điều hữu cơ; Trang trại chăn nuôi heo Ia Pếch của Công ty Cổ phần chăn nuôi Gia Thành Lộc Phát.

¹⁴ Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; Khu dân cư cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp cũ.

¹⁵ Trường Mầm non tư thực.

và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, du lịch sôi động hơn, tạo cú hích cho sự phục hồi của nền kinh tế khi dịch bệnh được kiểm soát trên địa bàn huyện;

- Về xây dựng cơ bản: Tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn ngân sách huyện là 185.773 triệu đồng (bao gồm vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 27.252 triệu đồng), đầu tư cho 19 công trình; chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương và 02 chương trình mục tiêu quốc gia; Ước năm 2023, khối lượng thực hiện được 159.716 triệu đồng, đạt 86% kế hoạch; giải ngân được 185.773 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn năm 2023¹⁶.

2. Trên lĩnh vực văn hóa-xã hội

2.1. Lĩnh vực giáo dục

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 theo kế hoạch. Tập trung đổi mới công tác quản lý giáo dục, tăng cường các điều kiện đảm bảo cho phát triển giáo dục, thực hiện việc sắp xếp trường, lớp và tuyển dụng biên chế giáo viên theo lộ trình đảm bảo triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông. Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được tổ chức nghiêm túc, đúng quy chế, tỷ lệ đậu tốt nghiệp đạt 99,2 % (giảm 0,62% so với kỳ thi năm 2022). Tỷ lệ huy động học sinh tiểu học ra lớp đúng độ tuổi (6-10 tuổi) 99,99%; tỷ lệ huy động học sinh THCS ra lớp đúng độ tuổi (11-14 tuổi) đạt 98,89%. Ước thực hiện năm 2023, toàn huyện hiện có 31/45¹⁷ đơn vị trường học trường đạt chuẩn quốc gia; đạt tỷ lệ 68,88%; triển khai kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho 13 xã, thị trấn, đạt 100% và hoàn thiện các hồ sơ công nhận theo quy định;

2.2. Lĩnh vực Y tế

Tiếp tục triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định. Công tác y tế dự phòng, giám sát tình hình dịch bệnh được triển khai kịp thời, liên tục từ tuyến huyện đến cơ sở, tình hình dịch bệnh được kiểm soát ổn định, các bệnh truyền nhiễm đa số giảm so với cùng kỳ; bệnh dịch Sốt xuất huyết đã được khống chế, không để lây lan thành dịch, giảm 314 ca so với năm trước¹⁸; triển khai chiến dịch tiêm phòng Bạch hầu trên địa bàn toàn huyện: Mũi 1: 91.042/94.208, đạt tỷ lệ 96,64%; Mũi 2: 85.559/94.208 đạt 90,82%. Trung tâm Y tế và Trạm y tế các xã, thị trấn đã khám và điều trị cho 38.425 lượt người; điều trị 35 ca bệnh nhân phong và 17 ca bệnh nhân lao;

¹⁶ Cụ thể: nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh với tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 120.566 triệu đồng, đầu tư cho 02 công trình, hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương và 02 chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); Ước năm 2023, khối lượng thực hiện đạt 97.566 triệu đồng, đạt 81% kế hoạch; giải ngân được 120.566 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn năm 2023.

- Ngân sách huyện đầu tư cho 17 công trình và hỗ trợ chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương và 02 chương trình MTQG với tổng kế hoạch vốn là 65.207 triệu đồng; Ước năm 2023, khối lượng thực hiện đạt 62.150 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch; giải ngân được 65.207 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn năm 2023.

¹⁷ Cấp học mầm non: 9/15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 60%; Cấp Tiểu học: 11/15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 73,3%; Cấp THCS: 11/15 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 73,3 %;

¹⁸ Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện có 278 ca mắc Sốt xuất huyết;

Triển khai công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại 13 xã - thị trấn, đã tiến hành kiểm tra 309 cơ sở và có 82 cơ sở vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính: 12,05 triệu đồng; công tác tuyên truyền, giáo dục về ATTP được đa dạng hóa, công tác kiểm tra được tăng cường, đẩy mạnh, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về ATTP.

2.3. Lĩnh vực Văn hoá và Thông tin, Truyền thanh-truyền hình

Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Chư Nghé và Hội đua thuyền Độc mộc trên sông Pô Cô tranh Cúp A Sanh và Liên hoan văn hóa công chiêng năm 2023; tổ chức phục dựng một số nghi lễ truyền thống trong đồng bào DTTS trên địa bàn như: Lễ cúng rừng, cúng giọt nước, mừng lúa mới...; tham gia hội thi thể thao các dân tộc thiểu số (DTTS) tỉnh năm 2023, kết quả đạt 02 HCV, 5 HCB, 13 HCD, xếp vị trí thứ ba toàn tỉnh. Duy trì tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn; tổ chức liên hoan văn nghệ quần chúng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao thu hút nhiều người dân tham gia;

Triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển du lịch trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai khoá XVI về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện đã phát sóng được 2.395 giờ truyền thanh FM; thường xuyên kiểm tra các cụm loa FM trên địa bàn xã và sửa chữa các cụm loa trên địa bàn thị trấn Ia Kha; sản xuất được 130 chương trình với 1.126 tin, 63 bài và 69 thông báo khác. Ngoài ra, còn biên tập khai thác và đăng hơn 400 tin, bài; xây dựng 24 trang truyền thanh, truyền hình địa phương với 72 phóng sự phát trong chương trình thời sự Phát thanh - Truyền hình của tỉnh.

2.4. Công tác Chính sách-xã hội

Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác an sinh xã hội¹⁹; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giảm nghèo bền vững năm 2023, tổng số hộ nghèo trong năm 1.937 hộ, chiếm tỷ lệ 7,03%, giảm 1,75%, đạt 101% KH, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số 1.529 hộ, chiếm tỷ lệ 12%, giảm 3,77%, đạt 109%KH; triển khai tổ chức Lễ kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh -Liệt sỹ. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm là 1.800 người, đạt 100%KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo 58%, đạt 100%KH;

Trong năm 2023, Bảo hiểm xã hội huyện đã thực hiện chi trả BHXH, BHYT, với số tiền hơn 191,2 tỷ đồng, tăng 6,57% so với cùng kỳ; thu bảo hiểm các loại với số tiền trên 136 tỷ đồng, đạt 100% KH giao. Ước có 100.561 người tham gia bảo hiểm y tế; ước đạt tỷ lệ bao phủ BHYT là 91,03% KH.

2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Công tác dân tộc:

Triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025; Nghị

¹⁹ Nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2023, đã tổ chức đi thăm và tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công, thân nhân gia đình Liệt sỹ với 1.333 suất quà của huyện và 1.133 suất quà của tỉnh đảm bảo đúng đối tượng; ngoài ra đã phối hợp với các đơn vị của tỉnh, các Công ty, Doanh nghiệp, các nhà hảo tâm hỗ trợ, tặng quà cho các đối tượng chính sách, người nghèo nhân dịp Tết; việc tặng quà và hỗ trợ tiền tết được thực hiện hoàn thành trước Tết nguyên đán năm 2023 và đúng đối tượng và không có hộ dân nào thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán, đói giáp hạt. Tiếp nhận và giải quyết 65 hồ sơ người có công.

quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện theo đúng quy định. Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; tổ chức gặp mặt, thăm hỏi và tặng quà cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện với số tiền 44 triệu đồng;

Thực hiện có hiệu quả các chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức tuyên truyền về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số²⁰, đã tổ chức hội nghị phổ biến pháp luật tại 03 xã với hơn 200 đại biểu tham dự.

- Công tác Tôn giáo: Tình hình hoạt động của các điểm nhóm Tôn giáo trên địa bàn huyện nhìn chung ổn định và tuân thủ các quy định của pháp luật; công tác quản lý Nhà nước về Tôn giáo được tăng cường; tuyên truyền phổ biến pháp luật và vận động các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân không vi phạm pháp luật, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tôn giáo tổ chức vui xuân đón Tết Nguyên đán trong không khí phấn khởi, an toàn, tiết kiệm; hướng dẫn các cơ sở tôn giáo thực hiện tổ chức lễ và sinh hoạt theo đúng quy định.

2.6. Công tác cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời ban hành các văn bản, quyết định triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện, như: Kế hoạch Cải cách chính năm 2023²¹, kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023²²; Kế hoạch kiểm tra

²⁰ Trong năm 2023, tổng số cặp tảo hôn là 73 cặp, trong đó có 72 cặp tảo hôn là người DTTS, giảm 42,51% năm 2022 và đã xử lý 12 trường hợp.

²¹ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 27/12/2022, Kết quả sơ bộ:

- Cải cách thể chế: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Năm 2023: Đã ban hành 02 Văn bản quy phạm pháp luật (Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định bãi bỏ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 28/6/2026 Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Y tế).

- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Đã ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm; cập nhật kịp thời thủ tục hành chính và các văn bản quy định về thủ tục hành chính, đồng thời chỉ đạo xử lý thông qua trang văn bản điều hành; 100% đơn vị hành chính cấp xã công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trang thông tin điện tử của xã; các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên cổng thông tin điện tử của huyện; thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn (số liệu báo cáo tại địa chỉ: dichvucong.gialai.gov.vn): Đạt: tỷ lệ 98,94% (22.153/22.390 hồ sơ đã giải quyết)

- Cải cách tổ chức bộ máy: Triển khai, thực hiện đầy đủ, hiệu quả quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy (năm 2023 đã tiến hành sáp nhập 10 đơn vị trường học, các đơn vị trường học từ 46 trường, giảm còn 43 trường học); triển khai, thực hiện đầy đủ các quy định phân cấp quản lý do Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành ban hành.

- Cải cách chế độ công vụ: Thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt; quy định, quy trình bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương theo tiêu chuẩn, điều kiện, chức danh bổ nhiệm, cơ cấu số lượng theo quy định của Chính phủ.

- Cải cách tài chính công: Thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (19/19 đơn vị) và tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (53/53 đơn vị, hiện nay còn 50 đơn vị).

- Xây dựng và phát triển Chính quyền số, Chính quyền điện tử: Đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; kế hoạch chuyển đổi số năm; 12/12 cơ quan chuyên môn và 13/13 xã, thị trấn áp dụng có hiệu quả ISO vào hoạt động của cơ quan, đơn vị; 13/13 xã, thị trấn đã triển khai thực hiện hệ thống một cửa điện tử. Tỷ lệ hồ sơ (mức độ 3, mức độ 4) có phát sinh: Năm 2023 (tính đến ngày 22/11/2023): 6.554/23.904, đạt tỷ lệ 27,41% tăng 25/72% so với năm 2022 (Năm 2022: 575/33.884 hồ sơ, đạt tỷ lệ 1,69%, số liệu báo cáo tại địa chỉ: dichvucong.gialai.gov.vn).

²² Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 27/12/2022: Ngoài ra nhằm triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên địa bàn huyện, đơn vị đã có sáng kiến mới trong ứng dụng phần mềm Google Drive, tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về cải cách hành chính năm 2023”. Kết quả: Có 420/423 người tham gia dự thi có bài thi hợp lệ; trong đó, đơn vị có số lượng người tham gia nhiều nhất là Ủy ban nhân dân xã Ia Dêr, 98 người tham gia (kể cả cán bộ, công chức và người dân) và đạt 07/07 giải thưởng.

cải cách hành chính năm 2023, tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính theo kế hoạch²³; ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, khắc phục các tồn tại, hạn chế về công tác cải cách hành chính và tập trung triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính²⁴....

2.7. Hoạt động các hội đặc thù

Trong năm 2023, các hội đặc thù trên địa bàn huyện đã tập trung thực hiện, hướng dẫn các cấp hội cơ sở và hội viên thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của các hội và các chương trình, nhiệm vụ được đảng và nhà nước giao. Phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và các hội viên chấp hành quy định pháp luật. Trong năm bằng các hoạt động tuyên truyền, vận động các nhà từ thiện trong và ngoài tỉnh hỗ trợ người dân nghèo có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo trên địa bàn với tổng trị giá là 4.134.795.000 đồng²⁵.

3. Trên lĩnh vực nội chính

3.1. Tình hình an ninh chính trị

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nhìn chung ổn định; ngành chức năng và chính quyền các xã, thị trấn làm tốt công tác nắm tình hình trên các lĩnh vực, những vụ việc phát sinh tại cơ sở được phát hiện, chỉ đạo giải quyết kịp thời, cơ bản kiềm chế được các yếu tố địch lợi dụng để tiến hành các hoạt động chống phá. Tình hình được đánh giá trên các lĩnh vực, cụ thể sau:

- Phạm pháp hình sự: Xảy ra 64 vụ (tăng 11 vụ so với năm trước), gồm: 07 vụ giết người; cố ý gây thương tích 08 vụ; trộm cắp tài sản 18 vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 16 vụ; hủy hoại tài sản 02 vụ; đánh bạc 04 vụ; hiếp dâm người dưới 16 tuổi 01 vụ; giao cấu với trẻ em từ 13-16 tuổi 01 vụ; cưỡng đoạt tài sản 01 vụ; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 03 vụ; hủy hoại tài sản 02 vụ, cướp tài sản 01 vụ; tội phạm xảy ra 13/13/ xã, thị trấn.

- Tội phạm ma túy: Phát hiện 34 người liên quan đến sử dụng ma túy (giảm 13 người so với năm trước).

- Cháy, nổ: Xảy ra 03 vụ cháy, gây thiệt hại về tài sản trên 224 triệu đồng; 01 vụ nổ làm 01 người bị thương.

- Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông: Chỉ đạo ngành chức năng tăng cường tuần tra kiểm soát, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện. Trong năm 2023, xảy ra 12 vụ tai nạn giao thông làm 07 người chết, 08 người bị thương (giảm 14 vụ, giảm 11 người chết, giảm 16 người bị thương).

3.2. Công tác Quân sự địa phương

Chỉ đạo các lực lượng duy trì tốt các chế độ trực ban, trực chiến, trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không, tăng cường bám nắm cơ sở đảm bảo huy động lực lượng khi có tình huống xảy ra; tiếp tục làm tốt công tác tuần tra, kiểm soát đường biên giới và các hành lang đường tiểu mạch, kiểm tra, nguy trang kín đáo, bí mật công trình khu vực phòng thủ, cột mốc biên giới, quản lý chặt chẽ người và phương tiện qua lại biên giới; chỉ đạo các đơn vị

²³ Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 26/4/2023; Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 9/5/2023; Báo cáo số 01/BC-ĐKT ngày 8/8/2023; Văn bản số 1198/UBND-NV ngày 14/8/2023.

²⁴ Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 24/8/2023; Văn bản số 676/UBND-NV ngày 15/5/2023, Văn bản số 1068/UBND-NV ngày 21/7/2023, Văn bản số 1314/UBND-NV ngày 28/8/2023.

²⁵ trong đó Hội chữ thập đỏ huyện đã Vận động hỗ trợ người dân nghèo có hoàn cảnh khó khăn với tổng trị giá là: 3.692.575.000 đồng, Hội khuyến học huyện vận động hỗ trợ cho các em học sinh nghèo với tổng giá trị: 442.220.000 đồng

thực hiện tốt nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ trong dịp Tết Dương lịch; Tết Nguyên đán Quý Mão 2023, Lễ 30/4, ngày Quốc tế Lao động, Lễ Quốc khánh 02/9; Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm quy trình công tác tuyển quân năm 2023, làm tốt công tác giao, nhận quân bảo đảm an toàn đúng thời gian quy định đạt 100% chỉ tiêu được giao. Rà soát, thẩm định, hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ, khám sức khỏe cho 45 em đăng ký tuyển sinh vào các trường trong Quân đội.

Chuẩn bị tốt nội dung, văn kiện, cơ sở vật chất, thao trường, bãi tập và triển khai thực hành công tác diễn tập phòng thủ cấp huyện của nhiệm kỳ 2020-2025 đạt loại giỏi; đồng thời tổ chức diễn tập cho 4 xã, thị trấn (Thị trấn Ia Kha, xã Ia Grăng, xã Ia Hrug, xã Ia O) đạt từ loại khá trở lên. Thực hiện khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2024 theo kế hoạch. Tiếp tục giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng tham gia kháng chiến, gia đình người có công với cách mạng theo đúng quy định.

3.3. Hoạt động hành chính tư pháp

Ban hành công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND huyện Ia Grai; Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Ia Grai; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn huyện Ia Grai; Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật hòa giải ở cơ sở; tăng cường thi hành Luật Cư trú về quy định sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; khai thác và sử dụng tài liệu pháp luật phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2023; triển khai quy trình liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục hành chính thiết yếu tại Đề án 06; triển khai số hóa sổ hộ tịch trên nền CSDLQGVDC trên địa bàn huyện; Tổ chức Hội nghị triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính và nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính; tổ chức tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS&MN;

Cấp và chỉ đạo Công chức Tư pháp các xã, thị trấn phân phát cho các thôn, làng, khu dân cư: 112 cuốn “Sổ tay phổ biến, giáo dục pháp luật dành cho người dân tộc thiểu số”; 65 tờ gấp cho công chức tư pháp-hộ tịch về “Tìm hiểu một số quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình” năm 2023. Thẩm tra hồ sơ cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc cho 66 trường hợp; kết hôn có yếu tố nước ngoài 06 trường hợp; khai sinh có yếu tố nước ngoài 01 trường hợp; nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 02 trường hợp; ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 01 trường hợp. Năm 2023, các Ban và Tổ hòa giải các xã, thị trấn tổ chức tiếp nhận và tiến hành hòa giải 143 vụ việc (*hòa giải thành 127 vụ việc, hòa giải không thành 11 vụ việc, đang giải quyết 05 vụ việc*);

Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã thụ lý và đưa ra thi hành 1.424 việc với tổng số tiền hơn 237,2 tỷ đồng, trong đó số vụ việc cũ chuyển sang là 825 vụ, thụ lý mới 599 việc; kết quả đã thi hành xong 697 việc, tổng số tiền đã thu hơn và giải quyết hơn 54,9 tỉ đồng; thu hồi, hủy quyết định thi hành án 03 việc, hoãn thi hành án 05 việc, ủy thác thi hành án 08 việc; chuyển sang kỳ sau giải quyết 716 việc.

3.4. Công tác Thanh tra giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân

Công tác Thanh tra thực hiện có trọng tâm, đúng tiến độ, nội dung kế hoạch đề ra. Năm 2023, triển khai 06 cuộc thanh tra, trong đó có 02 cuộc chuyển tiếp từ năm 2022 (thanh tra đột xuất), 03 cuộc theo kế hoạch 2023 và 01 cuộc thanh tra chuyên đề quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng; đến nay đã hoàn thành 04 cuộc thanh tra và đã ban hành kết luận

thanh tra việc quản lý quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng tại xã Ia Pêch và xã Ia Sao và thanh tra quy hoạch, quản lý quy hoạch;

Năm 2023, tiếp nhận, xử lý, giải quyết là 60 vụ việc (*59 vụ việc kiến nghị, 01 vụ việc tố giác*), trong đó: 16 vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết (*Đã hướng dẫn và xử lý chuyển đơn đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết*); 44 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết; đến nay, đã giải quyết xong 37 vụ việc, còn lại 07 vụ việc đang được ngành chức năng huyện giải quyết theo quy định.

Duy trì công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ, kết quả đã tiếp được 124 lượt (*tiếp thường xuyên 37 lượt, tiếp định kỳ 87 lượt*). Qua công tác tiếp dân đã làm hạn chế số lượng đơn thư phát sinh, vượt cấp.

3.5. Công tác Nội vụ -Thi đua khen thưởng

- Công tác Nội vụ: Kiện toàn, thành lập các Hội đồng, Ban chỉ đạo, để triển khai giải quyết các nhiệm vụ theo thẩm quyền²⁶. Quyết định sáp nhập các đơn vị trường học; Quyết định tuyển dụng, Bổ nhiệm, Bổ nhiệm lại, nâng lương thường xuyên, Phụ cấp thâm niên nhà giáo, nghỉ hưu, chuyển công tác, cho nghỉ thôi việc, tiếp nhận và phân công công tác. Tuyển dụng công chức; Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện; Tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2022; Tiếp nhận vào làm công chức²⁷. Lập thủ tục trình HĐND huyện bầu bổ sung Ủy viên UBND huyện, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Công tác Thi đua - Khen thưởng: Công tác thi đua khen thưởng được triển khai thực hiện kịp thời, góp phần động viên tổ chức, cá nhân phấn đấu thi đua nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện. Năm 2023, đã khen thưởng cho 208 tập thể và 1.075 cá nhân có thành tích xuất sắc

²⁶ Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm trong dịp tết nguyên đán Quý Mão năm 2023; Tổ thẩm định và bộ phận giúp việc cho tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất của dự án 2 và tiểu dự án 1 thuộc dự án 3 “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững” trên địa bàn huyện Ia Grai giai đoạn 2021-2025; Thành lập Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn huyện; Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm trong tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2023; Thành lập 15 Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở tại các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Ia Grai năm học 2022- 2023; Thành lập Đoàn kiểm tra xét tốt nghiệp THCS năm học 2022-2023; Kiện toàn Ban tuyển sinh quân sự huyện Ia Grai; Ban Tổ chức chạy đồng hành vì “Bình yên biên giới”; Kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Ia Grai; Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Ia Grai; Kiện toàn Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ia Grai; Kiện toàn Hội đồng xét duyệt Chính trị trong công tác tuyển quân của huyện Ia Grai; Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2023; Thành lập Hội đồng thẩm định giá đất huyện Ia Grai; Kiện toàn Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Ia Grai; Thành lập Ban Chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Ia Grai; Ban Kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức; Thành lập Ban kiểm kê Di sản văn hóa huyện Ia Grai năm 2023; Thành lập Ban Tổ chức Hội đua thuyền độc mộc trên sông Pô Cô lần thứ IV và Liên hoan Văn hóa Cồng chiêng năm 2023.

²⁷ Tuyển dụng công chức: 06 trường hợp; tuyển dụng và xếp lương công chức: 02 trường hợp; Hủy kết quả trúng tuyển đối với thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện hồ sơ dự tuyển: 01 trường hợp; gia hạn thời gian nhận công tác đối với công chức: 01 trường hợp; cử người hướng dẫn tập sự: 06 trường hợp; Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện: 05 trường hợp; Tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2022: 28 trường hợp; Tiếp nhận vào làm công chức: 02 trường hợp; Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức giáo viên năm 2022; Xếp hạng 46 đơn vị trường học trên địa bàn huyện thuộc UBND huyện quản lý. Điều động công chức cấp xã 05 trường hợp; Nâng lương thường xuyên 63 trường hợp (CB: 01; CC: 13; VC: 49); Nâng lương trước thời hạn: 01 trường hợp; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung: 28 trường hợp (CC:06; VC: 22); Phụ cấp thâm niên nghề CCVC: 87 trường hợp; Nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ, công chức cấp xã 9 tháng đầu năm 2023: 39 trường hợp; Xếp lương và chuyển xếp lương cán bộ, công chức: 06 trường hợp; cho cán bộ thôi hưởng lương: 01 trường hợp; Cho công chức thôi việc theo nguyện vọng: 01 trường hợp; Tiếp nhận công chức xã: 01 trường hợp; bổ nhiệm chức danh Phó Chỉ huy Trưởng, Ban CHQS xã Ia O; bổ nhiệm Chính trị viên phó Ban chỉ huy Quân sự xã Ia Sao; Phân công lãnh đạo phụ trách công tác dân vận của chính quyền và các quy định của pháp luật về quy chế dân chủ ở cơ sở; QĐ Kiện toàn Tổ tự quản thực hiện Chỉ thị số 01/2015/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới Quốc gia trong tình hình mới trên địa bàn xã Ia O; Thành lập Hội đồng xét tuyển công chức xã năm 2023; Thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển công chức xã năm 2023; Tuyển dụng đối với 08 trường hợp công chức cấp xã trúng tuyển năm 2023.

trong các phong trào thi đua. Ban hành Chỉ thị Phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Chào mừng kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc - Ngày truyền thống thi đua yêu nước

3.6. Về công tác đối ngoại

Các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo huyện được tổ chức chu đáo, đạt kết quả thiết thực; duy trì tốt mối quan hệ truyền thống với chính quyền huyện Đun Mía, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia để nắm tình hình, xử lý kịp thời các diễn biến, tình huống nhạy cảm phát sinh; bảo vệ tốt cột mốc, đường biên giới góp phần giữ vững ổn định an ninh biên giới. Tổ chức chu đáo, thành công hội nghị đối ngoại với huyện Đun Mía, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia nhân dịp Tết cổ truyền năm 2023 của Dân tộc Việt Nam; xã Ia O và xã Ia Chiã cũng đã tổ chức đối ngoại với xã Nhang, huyện Đun Mía và xã Sê San, huyện Ô Za Dao, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia. Đồng thời, nhân dịp Tết cổ truyền (Chol Chnam Thmay) của Vương quốc Campuchia đã tổ chức đoàn đi thăm và chúc tết tại huyện Đun Mía, Campuchia.

4. Công tác phối hợp với Mặt trận, hội, đoàn thể

Tăng cường công tác phối hợp với UBMTTQVN huyện đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững” trên địa bàn huyện trong giai đoạn mới; tiếp tục triển khai thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phối hợp kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức từ thiện hỗ trợ cho các đối tượng, nhất là người nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán; tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền Nhân dân nhận thức đúng, hiểu rõ, tham gia tích cực, thiết thực, tạo đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phối hợp chặt chẽ trong việc phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các dịch vụ công.

III. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết HĐND huyện năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023		Vượt, Đạt, không đạt so với Kế hoạch
			Kế hoạch năm 2023	Ước TH năm 2023	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				

1	Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	14,277.70	14.422,4	Vượt
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%	6,6	6,7	Đạt
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	13,32	14,52	Vượt
-	Ngành TM- dịch vụ	%	14,18	16,52	Vượt
2	Cơ cấu tổng sản phẩm (theo giá hiện hành)	%	100	100	Đạt
-	Ngành nông lâm nghiệp - Thủy sản	%	34,93	34,61	
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	35,68	35,7	
-	Ngành TM-dịch vụ	%	29,39	29,69	
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	49,7	49,83	Vượt
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	226.817	167.179	Không đạt
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	3.992	4.423	Vượt
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	1	1	đạt
7	Số làng đạt chuẩn nông thôn mới	Làng	11	11	đạt
8	Tỷ lệ che phủ rừng (bao gồm các loại cây thân gỗ có tán)	%	41,61	41,73	Vượt
9	Diện tích trồng rừng trong năm 2023	Ha	46,7	57,023	Vượt
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	12,21	12,56	Vượt
II	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI-XÃ HỘI				
11	Dân số trung bình	Người	110.811	110.811	Đạt
12	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,4	1,4	Đạt
13	Số lao động được giải quyết việc làm	Lao động	1.800	1.800	Đạt

15					
14	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học	%	99,9	99,99	Vượt
15	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS	%	98,7	98,89	Vượt
16	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	68,7	68,88	Vượt
17	Tỷ lệ hộ nghèo	%	7,09	7,03	Vượt
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,69	1,75	Vượt
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong ĐBDTTS	%	3,43	3,77	Vượt
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	58	58	Đạt
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới	%	10,7	10,7	Đạt
20	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91,03	91,03	Đạt
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG				
21	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	55	57	Vượt
22	Tỷ lệ dân cư ở nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,6	99,6	Đạt
23	Tỷ lệ chất thải rắn, sinh hoạt được thu gom xử lý ở đô thị	%	88,4	89,15	Vượt
24	Tỷ lệ chất thải rắn, sinh hoạt được thu gom xử lý ở nông thôn (bao gồm thu gom và xử lý tập trung, đào hố chôn lấp tại cơ sở)	%	58	58,2	Vượt
IV	CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG-AN NINH				
25	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (Chỉ tiêu trên giao)	%	100	100	Đạt
26	Tuyên quân, giao quân	%	100	100	Đạt
27	Xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	%	80	80	Đạt
28	Xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về an ninh	%	80	80	Đạt

Trong 28 chỉ tiêu chủ yếu năm 2023 mà Nghị quyết HĐND huyện đề ra, dự ước có 27 chỉ tiêu có khả năng đạt và vượt kế hoạch, 01 chỉ tiêu không đạt là thu tiền sử dụng đất trên địa bàn.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Với những kết quả về kinh tế - xã hội đã đạt được trong năm 2023 thể hiện được sự tập trung chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành chức năng trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; trong năm 2023 đã có những ưu điểm cơ bản đó là:

Với sự chủ động, tích cực triển khai nhiệm vụ năm 2023 ngay từ đầu năm trong điều kiện bình thường, thích ứng an toàn linh hoạt, kiểm soát được dịch bệnh hiệu quả và phục hồi phát triển kinh tế xã hội; kinh tế huyện Ia Grai phục hồi, tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn từng bước được cải thiện rõ nét; trong 28 chỉ tiêu nghị quyết HĐND huyện giao, UBND huyện đã thực hiện ước đạt và vượt 27 chỉ tiêu.

Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương, dự toán ngân sách năm 2023 được triển khai kịp thời; cung ứng và hỗ trợ kịp thời các điều kiện cho nhân dân sản xuất đảm bảo kế hoạch đề ra; triển khai sản xuất nông nghiệp vượt kế hoạch đề ra; chỉ đạo quản lý, điều tiết nguồn nước tưới hợp lý, tiết kiệm đảm bảo nguồn nước tưới cho các loại cây trồng. Công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, cây trồng được triển khai tích cực, hạn chế thấp nhất có dịch bệnh xảy ra; chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý bảo vệ rừng, công tác trồng rừng và trồng cây phân tán vượt kế hoạch. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, phân khai các nguồn vốn sự nghiệp được chỉ đạo thực hiện ngay từ đầu năm và đạt được kết quả tích cực; các vụ việc nổi cộm liên quan đến đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được quan tâm chỉ đạo xử lý, giải quyết; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn huyện.

Các mặt văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ: Công tác tuyên truyền và tổ chức các ngày lễ lớn được chú trọng; tổ chức thành công Lễ kỉ niệm 50 năm Chiến thắng Chư Nghệ và hội đua thuyền độc mộc trên sông Pô Cô tranh Cúp A Sanh, liên hoan văn hóa công chiêng năm 2023; các chương trình Y tế quốc gia được triển khai tích cực, công tác đảm bảo vệ sinh thực phẩm được tăng cường; việc hỗ trợ quà Tết, cấp gạo cứu đói và cấp các mặt hàng chính sách kịp thời, đúng đối tượng, không để hộ dân nào đói trong dịp Tết; làm tốt công tác thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách, gia đình có công trong dịp tết Nguyên đán; tổ chức kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ và triển khai thực hiện nhiều biện pháp hữu hiệu để duy trì sĩ số học sinh.

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững; giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao; tổ chức thành công, có hiệu quả công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, cấp huyện năm 2023; tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí; việc triển khai thực hiện Đề án 06 được quan tâm chỉ đạo quyết liệt.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số mặt hạn chế và những khó khăn vướng mắc, đó là:

Chỉ tiêu về thu tiền sử dụng đất trên địa bàn không đạt kế hoạch đề ra, do vướng mắc về cơ chế nên việc đấu giá QSD đất trên địa bàn còn chậm; hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn; một số cơ chế chính sách liên quan đến đất đai, đầu tư công, các hướng dẫn thực hiện 03 chương trình MTQG còn chồng chéo, bất cập. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án thuộc nguồn vốn ngân sách triển khai chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn. Phạm pháp hình sự tăng so với năm trước. Tính chủ động, trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước ở một số ngành, chính quyền cơ sở chưa cao; một số chỉ đạo của UBND huyện chưa được triển khai đúng tiến độ yêu cầu.

B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI NĂM 2024

I. Dự báo tăng trưởng kinh tế của huyện năm 2024

Năm 2024 là năm then chốt, cần tạo ra được đột phá vượt bậc để bù đắp các chỉ tiêu năm 2023 còn đạt thấp, để hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025;

Dự báo tình hình kinh tế - xã hội cả nước năm 2024 tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn của kinh tế, chính trị thế giới, tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhiều thách thức. Kinh tế trong nước vẫn gặp khó khăn, thách thức, độ mở nền kinh tế lớn, quy mô kinh tế còn khiêm tốn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế. Kinh tế của huyện dự báo tiếp tục có những chuyển biến tích cực; gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó còn có nhiều khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện như tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, nguy cơ dịch bệnh có thể bùng phát, giá cả thị trường không ổn định sẽ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhất là trong lĩnh vực đất đai gặp nhiều khó khăn;

Từ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và dự báo tình hình trong thời gian tới với các thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen sẽ tác động nhiều mặt đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Dự kiến mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 như sau:

II. Mục tiêu tổng quát

Với tinh thần, năm 2024 là năm cần tăng tốc bứt phá, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế 5 năm giai đoạn 2021-2025; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với yêu cầu, mục tiêu, định hướng và giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ; tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025; trong đó có các nội dung thực hiện 04 Nghị quyết trọng tâm; 02 chương trình đột phá; 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án chuyển đổi số và nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tuyên truyền, vận động hiến đất để xây dựng đường giao thông trên địa bàn huyện đến năm 2030 mà nghị quyết của Huyện ủy đề ra;

Tiếp tục phấn đấu duy trì tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần chủ yếu là ngành Công nghiệp – Xây dựng, Thương mại – Dịch vụ. Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị thị trấn Ia Kha, cụm công nghiệp của huyện, phát triển hệ thống giao thông nội thị, nông thôn. Cũng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt thực hiện các Nghị quyết về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thực hiện chương trình về phát triển đô thị; phát triển du lịch; về vệ sinh môi trường và thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai đồng bộ Nghị quyết, Chương trình hành động và kế hoạch về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy trong việc tuyên truyền, vận động hiến đất để xây dựng đường giao thông trên địa bàn huyện đến năm 2030, nhằm tháo gỡ nút thắt về giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn.

III. Mục tiêu cụ thể

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

* Về kinh tế

(1) Tổng giá trị sản xuất năm 2024 đạt 16.125,4 tỷ đồng, tăng 11,81% so với năm 2023, trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 6,6%; công nghiệp - xây dựng tăng 14,74%; thương mại-dịch vụ tăng 14,4%.

(2) Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 32,99%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 36,64%; thương mại- dịch vụ chiếm 30,37%.

(3) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 4.423 tỷ đồng.

(4) Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 52,5 triệu đồng.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn huyện ước đạt 212,937 tỷ đồng.

(6) Xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024: 01 xã (lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 10 xã); làng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 là 12 làng (Lũy kế số làng đạt chuẩn nông thôn mới 52 làng).

(7) Tỷ lệ đô thị hóa thị trấn Ia Kha năm 2024 đạt 12,85%.

(8) Duy trì tỷ lệ che phủ (bao gồm các loài cây thân gỗ có tán): 41,73%.

* Về văn hóa - xã hội

(9) Dân số trung bình 112.351 người.

(10) Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học: 99,9%; Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc Trung học cơ sở: 98,8%.

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 là 73,33% trở lên

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 59% trở lên

(13) Giải quyết việc làm cho 1.800 lao động.

(14) Tỷ lệ tăng dân số 1,39%.

(15) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 10,5%.

(16) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số đạt 91,75%.

(17) Tỷ lệ hộ nghèo 5,23%;

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,7%;

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số 3%.

* Về môi trường

(18) Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch 73%; ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 99,6%.

(19) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý: ở đô thị 89,2%; ở nông thôn được thu gom và xử lý: 59%.

* Về quốc phòng-an ninh

(20) Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ (Chỉ tiêu trên giao): đạt 100%.

(21) Tuyên quân, giao quân: đạt 100%.

(22) Xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng: đạt 80%.

(23) Xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về an ninh: đạt 80%.

IV. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về kinh tế

Phân đầu tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) năm 2024 đạt 16.125,4 tỷ đồng, tăng 11,81% so với năm 2023.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung thực hiện hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã của huyện.

- Tổ chức tốt công tác phòng chống sâu bệnh trên các loại cây trồng và các loại dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Phát triển chăn nuôi theo hướng hiệu quả, an toàn dịch bệnh, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao hiệu quả chăn nuôi ở nông hộ; Duy trì hoạt động cơ sở chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Khai thác diện tích mặt nước có khả năng để phát triển nuôi trồng thủy sản. Hỗ trợ, hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng có năng suất, chất lượng cao, chịu hạn tốt để tăng hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nước, tránh thiệt hại cho người dân. Chú trọng, đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất trồng lúa và cây trồng kém hiệu quả sang trồng rau, cây ăn quả, cây dược liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung ứng cho các nhà máy, cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến trên địa bàn; phân đầu giá trị sản xuất ngành nông-lâm-thủy sản đạt 5.320,4 tỷ đồng; triển khai thực hiện chương trình xây dựng và đánh giá, đề xuất công nhận các sản phẩm OCOP và xác nhận mã số vùng trồng đối với các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật các vị trí quy hoạch khu dân cư mới, xây dựng dân dụng, công trình giáo dục, công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn ưu tiên các xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024. Thực hiện các Hội chợ triển lãm, tham gia xúc tiến thương mại theo kế hoạch của tỉnh, đưa hàng Việt về nông thôn, kích cầu thương mại, dịch vụ, tích lũy hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm,... đảm bảo nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Đầu tư phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế; đẩy nhanh việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Công nghiệp huyện; phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 5.908 tỷ đồng và ngành thương mại – dịch vụ đạt 4.897 tỷ đồng.

- Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công (bao gồm các chương trình MTQG) năm 2024 ngay từ đầu năm; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư các chương trình, dự án khởi công mới sử dụng vốn đầu tư năm 2024 để thi công công trình; việc bố trí kế hoạch vốn cho các nhiệm vụ, dự án phải bảo đảm phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân.

- Ngay từ đầu năm 2024, xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện quyết liệt để đạt mục tiêu đề ra; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư trong chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đến khâu thực hiện dự án; thường xuyên rà soát, đôn đốc, kiểm tra, kịp thời phát hiện và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc phát sinh của từng dự án, nhất là các dự án trọng điểm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân trong việc phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về việc tổ chức thực hiện và kết quả giải ngân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện dự án của chủ đầu tư và Ban quản lý dự án; xử lý nghiêm các tổ chức, các nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

- Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn linh hoạt, kịp thời, đúng quy định giữa các dự án, từ dự án giải ngân chậm sang các dự án có nhu cầu vốn và khả năng giải ngân cao nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện, giải ngân.

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện cần thiết để triển khai đồng bộ các công trình XDCB ngay từ đầu năm, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn, thanh quyết toán kinh phí đúng thời gian quy định. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những vi phạm về quản lý đầu tư xây dựng, chống tiêu cực, thất thoát, lãng phí, đảm bảo chất lượng công trình; tiếp tục rà soát, điều chỉnh các khu quy hoạch trên địa bàn huyện phù hợp với tình hình phát triển của địa phương; tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng để chấn chỉnh, từng bước đưa công tác quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng đi vào hoạt động nề nếp.

- Duy trì và phát triển các ngành dịch vụ như thương mại, vận tải, viễn thông, ngân hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng mạng lưới dịch vụ ở nông thôn, tạo điều kiện cho người sản xuất giao lưu, mua bán. Tập trung thực hiện các biện pháp kiểm soát, bình ổn giá cả thị trường; tăng cường công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn nhằm đảm bảo nhu cầu đi lại cho người dân và phát triển kinh tế xã hội.

- Bố trí phân bổ vốn hợp lý, ưu tiên trả nợ xây dựng cơ bản từ các nguồn vốn ngân sách, kết hợp vốn huy động của dân cư và các tổ chức kinh tế trong và ngoài huyện để đầu tư phát triển các công trình kết cấu hạ tầng then chốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn.

- Tiếp tục vận động nhân dân đóng góp vốn, kết hợp nhiều nguồn vốn để phát triển giao thông nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Thông qua chương trình, các dự án và nguồn vốn của địa phương để đầu tư xây dựng đường giao thông, cầu, cống ở các xã nhằm tạo điều kiện về giao thông đi lại, phát triển sản xuất và đời sống văn hóa - xã hội cho nhân dân.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt thực hiện các Nghị quyết về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thực hiện chương trình về phát triển đô thị; phát triển du lịch; hiện đất làm đường giao thông và đánh giá kết quả thực hiện.

- Chỉ đạo tốt công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách. Thực hiện đồng bộ và quyết liệt các biện pháp quản lý thu, tăng cường chống thất thu ngay từ đầu năm. Tập trung xử lý các khoản nợ thuế, kiên quyết cưỡng chế thu hồi các khoản nợ thuế theo đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc chi tiêu ngân sách, bảo đảm chi đúng định mức, chế độ, thực hành tiết kiệm chi, chống thất thoát lãng phí, đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên, hạn chế các khoản bổ sung ngoài dự toán đầu năm và chủ động giải quyết được các khoản chi đột xuất.

- Chú trọng công tác phát triển doanh nghiệp, HTX và Hộ kinh doanh để tạo nguồn thu mới và nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách huyện.

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án đã có trong danh mục kêu gọi đầu tư của huyện; kiểm tra rà soát và bổ sung các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn báo cáo Sở kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh theo quy định. Triển khai công tác nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh của huyện và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt thực hiện Nghị quyết vệ sinh môi trường và thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và đánh giá kết quả thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường. Tăng cường công tác giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định. Tiếp tục triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng các công trình còn lại và các công trình thực hiện trong năm 2024. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định và chú trọng công tác kiểm tra hoạt động khoáng sản và hoàn thành việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

2. Văn hóa-xã hội

- Tăng cường thực hiện các giải pháp để đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường cơ sở vật chất, đồ dùng dạy và học; tiếp tục đầu tư củng cố, nâng cấp hệ thống trường, lớp học. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo nghề gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông thôn. Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức các cấp.

- Tập trung điều tra, rà soát số lượng lao động địa phương, nhằm nắm bắt kịp thời số lao động có việc làm, không có việc làm, lao động được đào tạo nghề, lao động chưa qua đào tạo nghề và nhu cầu học nghề của người lao động. Khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện.

- Đôn đốc, hướng dẫn các ngành, các cấp triển khai có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo và giảm nghèo đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tăng cường chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm; nắm chắc biến động hộ nghèo, kiểm soát chặt chẽ hộ nghèo phát sinh mới. Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện xóa đói giảm nghèo.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân chăm sóc thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ; xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, giảm dần các tệ nạn xã hội.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tuyên truyền để hoàn thành chỉ tiêu bảo hiểm y tế; đẩy mạnh công tác thu nợ BHYT, BHXH, chú trọng huy động các nguồn lực đóng góp mua thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình khó khăn trong điều kiện thực hiện chính sách mới về bảo hiểm.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ y, bác sỹ; cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân; triển khai các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; chỉ đạo, phân công cán bộ trực và đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho nhân dân tại các trạm y tế cơ sở.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động đưa tin, bài phục vụ sự chỉ đạo, điều hành, quản lý của lãnh đạo. Tiếp tục nâng cao chất lượng các buổi phát sóng của Đài phát thanh và truyền hình địa phương; tăng thời lượng phát sóng chương trình nông nghiệp, nông thôn và tiếng Jrai.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến người dân. Gắn kết phát triển văn hoá với phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống; tổ chức thực hiện tốt các hoạt động văn hoá-thể thao

chào mừng các ngày Lễ lớn của đất nước. Tăng cường hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, lựa chọn và đào tạo thể thao thành tích cao để tham gia thi đấu các giải ở huyện, tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục-thể thao và chuyển đổi số trên địa bàn. Tập trung thực hiện có hiệu quả nghị quyết về Phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tổ chức Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số huyện lần thứ 4 năm 2024. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

- Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội đoàn thể trong công tác thông tin truyền truyền để người dân hiểu, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Phối hợp thực hiện phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và tuyên truyền, vận động hiến đất xây dựng đường giao thông trên địa bàn huyện.

3. Trên lĩnh vực nội chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự địa phương; chủ động theo dõi, nắm tình hình, thực hiện đồng bộ các biện pháp bảo vệ biên giới, phòng chống vượt biên, xâm nhập. Tổ chức kiểm tra công trình phòng thủ, nguy trang kín đáo bảo đảm bí mật. Triển khai công tác tuyển quân năm 2024 theo kế hoạch đề ra.

- Tập trung nắm hoạt động liên lạc chỉ đạo của FULRO lưu vong vào nội địa và các vấn đề liên quan đến tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh biên giới để phòng ngừa, đấu tranh; điều tra, xử lý nhanh chóng các vụ án còn tồn đọng, đấu tranh quyết liệt và có hiệu quả đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường công tác tuần tra kiểm soát ổn định trật tự và kiểm chế tai nạn giao thông; thực hiện tốt các chuyên đề theo kế hoạch, như: công tác phòng cháy, chữa cháy; thu hồi vũ khí, vật liệu nổ; Đề án 06 gắn với xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư; tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài, các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để phát sinh điểm nóng.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư; tập trung rà soát, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài, các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để phát sinh điểm nóng; duy trì tốt công tác tiếp công dân; thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện tập trung rà soát, phân loại án dân sự, làm tốt công tác xác minh điều kiện thi hành án nhằm thi hành kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện đã có hiệu lực.

- Thực hiện tốt công tác đối ngoại với huyện Đun Mia, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia.

- Tăng cường công tác theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn, để kịp thời xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đã được phê duyệt, phân đấu duy trì top đầu của tỉnh về chỉ số cải cách hành chính và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện trong năm 2023. Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, công

tác thi đua, khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

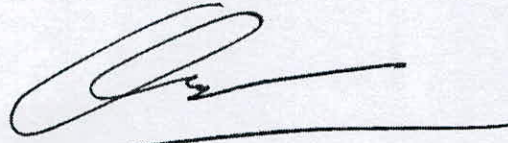
- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn công tác Tư pháp các xã - thị trấn, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đúng luật; thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh năm 2023 và mục tiêu, định hướng, giải pháp thực hiện năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT, VP 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Quý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023		
			Kế hoạch năm 2023	Ước TH năm 2023	Đạt, không đạt so với NQ
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá SS 2010)	%	8,62	5,36	Không đạt
-	Ngành nông lâm nghiệp-thủy sản	%	5,15	4,50	
-	Ngành công nghiệp - xây dựng	%	13,96	6,21	
-	Ngành dịch vụ	%	7,51	5,62	
-	Thuế sản phẩm	%	5,16	2,81	
2	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá hiện hành)	%	100	100	Đạt
-	Ngành nông lâm nghiệp-thủy sản	%	26,87	26,23	
-	Ngành công nghiệp - xây dựng	%	28,70	29,48	
-	Ngành dịch vụ	%	40,62	40,38	
-	Thuế sản phẩm		3,81	3,92	
3	GRDP bình quân đầu người				
	Số liệu của Cục Thống kê tỉnh	Tr. đồng	66,9	66,5	Không đạt
	Số liệu của Tổng cục Thống kê	Tr. đồng	60,10	59,84	Không đạt
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	7	5	Không đạt
5	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	680	680	Đạt
6	Kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD	110	110	Đạt
7	Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	5.910	5.230	Không đạt
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	42.000	42.000	Đạt
9	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	108.000	108.000	Đạt
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	33	33	Đạt
II	CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI				
11	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,14	1,14	Đạt
12	Số lao động được tạo việc làm	Người	26.500	26.580	Đạt
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	61	61,80	Đạt
14	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2023-2025) giảm còn	%	8,1	8,11	Không Đạt
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2	1,95	Không Đạt
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%	3	4,21	Vượt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023		
			Kế hoạch năm 2023	Ước TH năm 2023	Đạt, không đạt so với NQ
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với huyện nghèo	%	5	5,91	Vượt
15	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	63,4	63,4	Đạt
-	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	93	93,2	Vượt
-	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	94,7	96,5	Vượt
16	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	94	94	Đạt
-	Số bác sỹ/ vạn dân	%	8,5	8,5	Đạt
-	Số giường bệnh/ vạn dân	%	27,6	27,6	Đạt
17	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	92,75	91,00	Không đạt
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG				
18	Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su)	%	47,33	47,33	Đạt
-	Diện tích trồng rừng trong năm	Ha	8.000	7.000	Không đạt
19	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,7	97,7	Đạt
20	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	75	75	Đạt
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý ở đô thị	%	95,8	88,4	Không đạt

Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, XUẤT NHẬP KHẨU

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8	9=8/6
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN							
I	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	4,678.0	4,986.7	4,991.4	106.7	5,320.4	106.6
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	4,600.2	4,904.4	4,909.1	106.7	5,238.1	106.7
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	4,065.6	4,363.3	4,374.0	107.6	4,703.0	107.5
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	534.6	541.1	535.1	100.1	535.1	100.0
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	65.0	69.0	69.0	106.2	69.0	100.0
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	12.8	13.3	13.3	103.9	13.3	100.0
II	Các ngành sản xuất							
1	Trồng trọt							
	Tổng DTGT	Ha	50,821.0	51,210.1	51,357.4	101.1	52,110.0	101.5
	Tổng SLLT	Tấn	24,292.5	23,417.4	23,928.4	98.5	23,963.5	100.1
	Tr.đó: thóc	Tấn	20,062.2	19,997.0	20,377.5	101.6	20,457.0	100.4
1.1	Cây lương thực	Ha	4,960.7	4,810.0	4,936.3	99.5	4,920.0	99.7
a)	Lúa cả năm	Ha	4,226.7	4,210.0	4,321.0	102.2	4,310.0	99.7
	NS	Tạ/ha	47.5	47.5	47.2	99.4	47.5	100.6
	SL	Tấn	20,062.2	19,997.0	20,377.5	101.6	20,457.0	100.4
	- Lúa đông xuân	Ha	1,411.7	1,410.0	1,410.0	99.9	1,410.0	100.0
	NS	Tạ/ha	57.0	57.0	57.0	100.0	57.0	100.0
	SL	Tấn	8,046.7	8,037	8,037	99.9	8,037	100.0
	- Lúa ruộng vụ mùa	Ha	2,410.0	2,400.0	2,407.0	99.9	2,400.0	99.7
	NS	Tạ/ha	47.0	47.0	47.5	101.1	48.0	101.1
	SL	Tấn	11,327.0	11,280	11,433	100.9	11,520	100.8
	- Lúa cạn vụ mùa	Ha	405.0	400.0	504.0	124.4	500.0	99.2
	NS	Tạ/ha	17.0	17.0	18.0	105.9	18.0	100.0
	SL	Tấn	688.5	680	907	131.8	900	99.2
b)	Ngô cả năm	Ha	734.0	600.0	615.3	83.8	610.0	99.1
	NS	Tạ/ha	57.6	57.0	57.7	100.1	57.5	99.6
	SL	Tấn	4,230.3	3,420.4	3,550.9	83.9	3,506.5	98.7
	- Vụ Đông Xuân	Ha	29.0	40.0	71.3	245.9	50.0	70.1
	NS	Tạ/ha	60.2	60.3	60.3	100.2	60.5	100.3
	SL	Tấn	174.6	241.2	429.9	246.3	302.5	70.4
	- Vụ Mùa	Ha	705.0	560.0	544.0	77.2	560.0	102.9
	NS	Tạ/ha	57.5	56.8	57.4	99.7	57.2	99.7
	SL	Tấn	4,055.7	3,179.2	3,121.0	77.0	3,204.0	102.7
1.2	Cây tinh bột có củ	Ha	3,006.7	2,783.0	2,923.0	97.2	2,700.0	92.4
a)	Sắn cả năm	Ha	2,453.0	2,183.0	2,267.0	92.4	2,100.0	92.6

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
	NS	Tạ/ha	170.0	170.0	170.0	100.0	170.0	100.0
	SL	Tấn	41,701.0	37,111	38,539	92.4	35,700	92.6
b)	Khoai lang	Ha	553.7	600.0	656.0	118.5	600.0	91.5
	NS	Tạ/ha	161.0	161.0	161.0	100.0	161.0	100.0
	SL	Tấn	8,914.6	9,660.0	10,561.6	118.5	9,660.0	91.5
1.3	Cây thực phẩm	Ha	917.5	950.0	952.2	103.8	931.7	97.8
a)	Đậu các loại	Ha	315.0	370.0	361.0	114.6	350.0	97.0
	NS	Tạ/ha	11.5	11.5	11.5	100.0	12.0	104.3
	SL	Tấn	362.3	425.5	415.2	114.6	420.0	101.2
b)	Rau các loại	Ha	602.5	580.0	591.2	98.1	581.7	98.4
	NS	Tạ/ha	100.0	100.0	100.0	100.0	110.0	110.0
	SL	Tấn	6,025.0	5,800	5,912	98.1	6,399	108.2
	- Vụ Đông Xuân	Ha	285.0	300.0	301.2	105.7	290.0	96.3
	NS	Tạ/ha	100.0	100.0	100.0	100.0	110.0	110.0
	SL	Tấn	2,850.0	3,000	3,012	105.7	3,190	105.9
	- Vụ Mùa	Ha	317.5	280.0	290.0	91.3	291.7	100.6
	NS	Tạ/ha	100.0	100.0	100.0	100.0	110.0	110.0
	SL	Tấn	3,175.0	2,800	2,900	91.3	3,209	110.6
c)	Cây thực phẩm khác							
1.4	Cây Công nghiệp ngắn ngày	Ha	121.0	120.0	143.0	118.2	125.0	87.4
a)	Lạc cả năm	Ha	121.0	120.0	143.0	118.2	125.0	87.4
	NS	Tạ/ha	10.5	10.5	10.9	104.2	11.0	100.6
	SL	Tấn	127.1	126	156	123.1	138	87.9
1.5	Cây hàng năm khác (hoa, cây cảnh, ớt cay, cỏ chăn nuôi,...)	Ha	200.0	200.0	200.0	100.0	200.0	100.0
1.6	Cây Công nghiệp dài ngày	Ha	38,048.1	38,048.1	38,187.3	100.4	38,187.3	100.0
a)	Cao su tổng số	Ha	13,786.8	13,786.8	13,845.2	100.4	13,845.2	100.0
	Trồng mới	Ha	14.0	-	58.4	417.1	-	0.0
	Tái canh	Ha	103.0	-	226.0	219.4	-	0.0
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	925.5	1,042.5	1,042.5	112.6	1,326.9	127.3
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	12,744.3	12,744.3	12,518.3	98.2	12,518.3	100.0
	NS	Tạ/ha	18.2	18.2	18.2	100.2	18.2	100.0
	SL (mủ khô)	Tấn	23,193.3	23,193	22,826	98.4	22,826	100.0
	- Cao su nhân dân (cao su tiểu điền)	Ha	2,745.2	2,745.2	2,803.6	102.1	2,803.6	100.0
	Trồng mới	Ha			58.4			
	Tái canh	Ha						
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	6.0	6.0	6.0	100.0	64.4	1,073.3
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	2,739.2	2,739.2	2,739.2	100.0	2,739.2	100.0
	NS	Tạ/ha	17.8	17.8	18.0	101.0	18.0	100.0
	SL (mủ khô)	Tấn	4,884.0	4,884	4,931	101.0	4,931	100.0
	- Cao su doanh nghiệp	Ha	11,041.6	11,041.6	11,041.6	100.0	11,041.6	100.0

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
	Trồng mới	Ha	14.0			0.0		
	Tái canh	Ha	103.0		226.0	219.4		
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	919.5	1,036.5	1,036.5	112.7	1,262.5	121.8
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	10,005.1	10,005.1	9,779.1	97.7	9,779.1	100.0
	NS	Tạ/ha	18.3	18.3	18.3	100.0	18.3	100.0
	SL (mù khô)	Tấn	18,309.3	18,309	17,896	97.7	17,896	100.0
b)	Cà phê tổng số	Ha	18,080.7	18,080.7	18,093.4	100.1	18,093.4	100.0
	Trồng mới	Ha	165.0	-	12.7	7.7	-	0.0
	Tái canh+ ghép cải tạo	Ha	430.0	500.0	478.3	111.2	500.0	104.5
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	1,190.0	1,267.0	1,267.0	106.5	1,758.0	138.8
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	16,295.7	16,313.7	16,335.4	100.2	15,835.4	96.9
	NS	Tạ/ha	34.4	34.4	34.4	99.9	34.4	100.1
	SL (cà phê nhân)	Tấn	56,045.6	56,168	56,126	100.1	54,481	97.1
	- Cà phê nhân dân	Ha	14,934.1	14,934.1	14,946.8	100.1	14,946.8	100.0
	Trồng mới	Ha	165.0		12.7	7.7	0.0	0.0
	Tái canh + ghép cải tạo	Ha	384.0	300.0	408.0	106.3	300.0	73.5
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	865.0	1,060.0	1,060.0	122.5	1,480.7	139.7
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	13,520.1	13,574.1	13,466.1	99.6	13,166.1	97.8
	NS	Tạ/ha	35.5	35.5	35.5	100.0	35.5	100.0
	SL (cà phê nhân)	Tấn	47,996.4	48,223	47,805	99.6	46,740	97.8
	- Cà phê doanh nghiệp	Ha	3,146.6	3,146.6	3,146.6	100.0	3,146.6	100.0
	Trồng mới	Ha	0.0	0.0	0.0		0.0	
	Tái canh + ghép cải tạo	Ha	46.0	200.0	70.3	152.8	200.0	284.5
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	325.0	207.0	207.0	63.7	277.3	134.0
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	2,775.6	2,739.6	2,869.3	103.4	2,669.3	93.0
	NS	Tạ/ha	29.0	29.0	29.0	100.0	29.0	100.0
	SL (cà phê nhân)	Tấn	8,049.2	7,944	8,321	103.4	7,741	93.0
c)	Điều tổng số	Ha	5,842.9	5,842.9	5,910.5	101.2	5,910.5	100.0
	Trồng mới	Ha	76.0	0.0	67.6	88.9	0.0	0.0
	Tái canh	Ha	20.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	25.5	121.5	121.5	476.5	163.6	134.7
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	5,721.4	5,721.4	5,721.4	100.0	5,746.9	100.4
	NS	Tạ/ha	14.8	14.8	14.5	98.0	15.0	103.4
	SL	Tấn	8,496.7	8,468	8,296	97.6	8,620	103.9
d)	Cây tiêu	Ha	337.7	337.7	338.2	100.1	338.2	100.0
	Trồng mới	Ha		0.0	0.5			0.0
	Tái canh	Ha		0.0				
	Chăm sóc (KTCB)	Ha	3.0	3.0	3.0	100.0	3.5	116.7
	Kinh doanh (cho sản phẩm)	Ha	334.7	334.7	334.7	100.0	334.7	100.0
	NS	Tạ/ha	34.0	34.0	34.0	100.0	34.0	100.0
	SL	Tấn	1,138.0	1,138	1,138	100.0	1,138	100.0

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
	NS	Tạ/ha	450.0	450.0	450.0	100.0	450.0	100.0
	NS	Tạ/ha	175.0	175.0	175.0	100.0	175.0	100.0
	SL	Tấn	6,125.0	7,175	7,175	117.1	7,175	100.0
5. Bơ		Ha	295.0	439.0	304.3	103.2	476.0	156.4
- Diện tích cho sản phẩm		Ha	200.0	220.0	220.0	110.0	235.0	106.8
	NS	Tạ/ha	155.0	155.0	155.0	100.0	155.0	100.0
	SL	Tấn	3,100.0	3,410	3,410	110.0	3,643	106.8
6. Mít		Ha	305.0	500.0	305.0	100.0	550.0	180.3
- Diện tích cho sản phẩm		Ha	223.0	253.0	253.0	113.5	253.0	100.0
	NS	Tạ/ha	181.0	181.0	181.0	100.0	181.0	100.0
	SL	Tấn	4,036.3	4,579.3	4,579.3	113.5	4,579.3	100.0
7. Chôm chôm		Ha	150.0	164.0	167.3	111.5	185.0	110.6
- Diện tích cho sản phẩm		Ha	85.0	120.0	120.0	141.2	120.0	100.0
	NS	Tạ/ha	175.0	175.0	175.0	100.0	175.0	100.0
	SL	Tấn	1,487.5	2,100	2,100	141.2	2,100	100.0
9. Cây ăn quả khác...			459.0	176.0	329.4	71.8	329.4	100.0
1.8 Cây dược liệu		Ha	17.0	17.0	17.0	100.0	17.0	100.0
1.9 Cây lâu năm khác		Ha	237.0	237.0	237.0	100.0	237.0	100.0
2 Chăn nuôi								
a) Số lượng								
- Đàn trâu		Con	486.0	500.0	497.0	102.3	500.0	100.6
- Đàn bò		Con	14,750.0	14,900.0	14,903.0	101.0	14,910.0	100.0
- Đàn heo		Con	46,000.0	47,209.0	47,209.0	102.6	47,210.0	100.0
- Đàn dê		Con	1,541.0	1,541.0	1,744.0	113.2	1,744.0	100.0
- Đàn gia cầm		Con	250,000.0	250,000.0	255,384.0	102.2	255,400.0	100.0
- Đàn ong		Đàn	40,000.0	40,000.0	37,050.0	92.6	37,050.0	100.0
b) Sản lượng								
- Sản lượng thịt gia súc gia cầm các loại		Tấn	7,741.2	7,889.1	7,916.1	102.3	7,917.6	100.0
- Sản lượng mật ong		Tấn	2,000.0	2,000.0	1,852.5	92.6	1,852.5	100.0
3 Thủy sản								
Diện tích		Ha	425.5	427.0	427.4	100.4	427.4	100.0
- Diện tích nuôi trồng		Ha	45.5	47.0	47.4	104.2	47.4	100.0
- Diện tích khai thác tự nhiên		Ha	380.0	380.0	380.0	100.0	380.0	100.0
Sản lượng		Tấn	290.0	300	300	103.4	300	100.0
Sản lượng nuôi trồng		Tấn	180.0	190.0	190.0	105.6	190.0	100.0
Sản lượng khai thác		Tấn	110.0	110.0	110.0	100.0	110.0	100.0
4 Phát triển nông thôn								
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm		Xã	1	1	1.0	0.0	1	100.0
- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới (luỹ kế)		Xã	8	9	9.0	112.5	10	111.1

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	66.7	75.0	75.0	112.4	83.3	111.1
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	13.5	17.1	14.3	105.9	16.4	114.4
	Trong đó:							
	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	0.0	9.0	1.0		2.0	200.0
	Số xã đạt từ 15- 18 tiêu chí	xã	5.0		8.0	160.0	8.0	100.0
	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí	xã	6.0	2.0	2.0	33.3	1.0	50.0
	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí	xã	1.0	1.0	1.0	100.0	1.0	100.0
	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí	xã						
	- Số làng đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	Làng	0.0	23.0	11.0		12.0	120.0
	- Tổng số làng đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	Làng	29.0	52.0	40.0	137.9	52.0	133.3
6	Lâm nghiệp							
	Trồng rừng tập trung	Ha	541.82	46.70	57.023	10.52	8.80	15.43
	- Rừng phòng hộ:	Ha	0.0	0.0	0.0	0.00	0.0	
	- Rừng sản xuất	Ha	541.82	46.70	57.023	10.52	8.80	15.43
	Chăm sóc rừng	Ha	810.02		2,123.06	262.10		
	Khoán quản lý bảo vệ rừng	Ha	5,921.2	5,919.8	5,919.8	99.98	5,919.82	100.0
	Tỷ lệ che phủ (bao gồm các loài cây thân gỗ có tán)	%	41.61	41.61	41.73	100.29	41.73	100.0
B	CÔNG NGHIỆP							
1	Giá trị sản xuất công nghiệp-XD (theo giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	4,496.0	5,095.0	5,149.0	114.52	5,908.0	114.74
	- Công nghiệp	Tỷ đồng	2,710.0	3,089.0	3,095.0	114.21	3,556.0	114.89
	- Xây dựng	Tỷ đồng	1,786.0	2,006.0	2,054.0	115.01	2,352.0	114.51
2	Một số sản phẩm chủ yếu:							
	- Xay xát lương thực	Tấn	24,220	24,476	24,651	101.78	24,912	101.06
	- Nước máy sản xuất	1000 m3	238	250	255	107.14	258	101.18
	- Điện thương phẩm	Triệu KWh	3,414	3977	4,002	117.22	4222	105.50
	- Phân vi sinh	Tấn	36,915	36,963	36,970	100.15	37,053	100.22
	- Hàng mộc	m3	556	562	563	101.26	565	100.36
	- Đá xây dựng	1000 m3	221	225	226	102.26	230	101.77
	- Cát xây dựng	1000 m3	15	18	18	122.00	20	109.29
	- Sản phẩm cơ khí	Tấn	396	398	398.3	100.58	400	100.43
C	DỊCH VỤ							
1	Bưu chính viễn thông							
	Doanh thu	Tỷ đồng	85	87.9	88	103.53	90.00	102.27
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	3,592	4,125.0	4,131	115.01	4,745.0	114.86
3	Giao thông vận tải							
	- Vận tải hàng hóa							
	- Khối lượng vận chuyển hàng hoá	1.000 Tấn	740	801	803	108.5	870.00	108.3

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
	- Khối lượng luân chuyển hàng hoá	1000 tấn.Km	53,670	56,100	56,434	105.1	58,995	104.5
-	Vận tải hành khách							
	- Khối lượng vận chuyển hành khách	1.000 HK	1990	2,106	2,112	106.1	2,236	105.9
	- Khối lượng luân chuyển hành khách	1000 HK.Km	338,950	360,742	362,170	106.9	379,738	104.9
D	PHÁT TRIỂN HTX							
1	Tổng số HTX	HTX	24	25	25	104.17	27	108.00
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	<i>HTX</i>	<i>3</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>66.67</i>	<i>2</i>	<i>100.00</i>
2	Tổng số xã viên hợp tác xã	người	1,871	1,890	1,890	101.02	1,910	101.06
	<i>Trong đó: Xã viên mới</i>	<i>người</i>	<i>21</i>	<i>25</i>	<i>25</i>	<i>119.05</i>	<i>30</i>	<i>120.00</i>
3	Tổng doanh thu hợp tác xã	Triệu đồng	139,613	150,000	150,000	107.44	167,000	111.33
4	Tổng số lãi bình quân của 1 hợp tác xã	Triệu đồng	63	70	70	111.11	72	102.86
5	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	72	78	95	131.94	100	105.26
	<i>Trong đó: + Số có trình độ trung cấp, cao đẳng</i>	<i>Người</i>	<i>38</i>	<i>45</i>	<i>66</i>	<i>173.68</i>	<i>70</i>	<i>106.06</i>
	<i>+ Số có trình độ Đại học trở lên</i>	<i>Người</i>	<i>34</i>	<i>33</i>	<i>29</i>	<i>85.29</i>	<i>30</i>	<i>103.45</i>
6	Tổng số lao động là thành viên của HTX	Người	95	101	120	126.32	160	133.33

Biểu số 3

CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8	9=8/6
I	DÂN SỐ							
1	Dân số trung bình	Người	109,282	110,811	110,811	101.4	112,351	101.4
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1.41	1.4	1.4		1.39	
3	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0.57	0.56	0.56		0.55	
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM							
1	Tổng số lao động đang làm việc	Người	66,976	67,000	67,000	100.04	67,000	100.00
2	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	64	40	48	75.00	50	104.17
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	57	58	58	101.75	59	101.72
III	GIẢM NGHÈO							
1	Tổng số hộ của huyện	Hộ	27,214	27,561	27,561		27,912	101.27
2	Số hộ nghèo	Hộ	2389	1,920	1,937		1,462	
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	8.78	7.09	7.03		5.23	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1.98	1.69	1.75		1.7	
5	Số hộ cận nghèo	Hộ	2,595	2263	2,263		1,920	
6	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	9.54	8.21	8.21		6.88	
7	mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong ĐBDTTS	%		3.43	3.77		3	
8	Số hộ thoát nghèo	Hộ	470	443	452		475	
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU							
1	Tổng số xã của toàn tỉnh/thành phố	Xã	12	12	12	100	12	100.00
	Trong đó:							
	+ Số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã						
	+ Số xã biên giới (nếu có)	Xã	2	2	2	100	2	100.00
	+ Số xã bãi ngang (nếu có)							
	+ Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	12	12	12	100	12	100
	+ Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm	%	100	100	100		100	

	+ Số xã có trạm y tế	Xã	12	12	12	100	12	100
	+ Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100	100	100
	+ Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	Xã, thị trấn	13	13	13	100	13	100
	+ Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	12	12	12	100.00	12	100
	+ Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	100.00	100.00	100.00		100.00	
	+ Số xã có chợ xã, liên xã	xã	3	4	3	100	4	133.33
	+ Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	0.25	33.33	0.25	100	0.33	133.33
2	- Số hộ được sử dụng điện	Hộ	21,380	21,385	21,385	100.0234	21,390	100.02
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	98.67	98.74	98.74	100.0709	98.76	100.02
V	Y TẾ - XÃ HỘI							
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93	91.03	91.03	97.9	91.75	100.8
2	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	6.4	6.4	6.4	100	6.4	100.00
3	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	2.83	3.1	3.1	100	3.1	100.00
4	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	100	100	100	100	100	100
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	12.7	10.7	10.7	100	10.5	98.13
6	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, thị trấn	13	13	13	100	13	100.00
VI	VĂN HOÁ, THỂ THAO							
1	- Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hoá được xây dựng riêng	Xã, phường, thị trấn	2	3	3	150.00	4	133.3
2	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	78	80	80	102.56	82	102.50
3	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	94.2	95.42	96	101.91	97	101.0
VII	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
1	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	24,428	24,509	24,156	98.89	24,552	101.64
	+ Mẫu giáo	Học sinh	5,412	5,540	5,113	93.84	5,550	108.55
	+ Tiểu học	Học sinh	11,428	11,738	11,098	101.06	11,768	106.04
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	7,588	7,231	7,945	99.92	7,234	91.05
	+ Trung học phổ thông	Học sinh						
2	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	99.90	99.90	99.90	100.00	99.90	100.00
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:							
	+ Tiểu học	%	99.89	99.88	99.88	99.99	99.9	100.02
	+ Trung học cơ sở	%	98.89	98.85	98.85	99.96	98.8	99.95
	+ Trung học phổ thông							

4	Số trường học đạt chuẩn quốc gia							
	+ Mầm non	Trường	8.00	9.00	9.00	112.50	9.00	100.00
	+ Tiểu học	"	11.00	11.00	11.00	100.00	12.00	109.09
	+ Trung học cơ sở	"	11.00	11.00	11.00	100.00	12.00	109.09
	+ Trung học phổ thông	"						
5	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia							
	+ Mầm non	%	50.00	60.00	60.00	120.00	60.00	100.00
	+ Tiểu học	%	64.70	73.33	73.30	113.29	80.00	109.14
	+ Trung học cơ sở	%	73.33	73.33	73.30	99.96	80.00	109.14
	+ Trung học phổ thông	%						
VIII THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG								
1	Số giờ phát sóng phát thanh:		2,395	2,359	2,395	100.0	2,395	100
1.1	Đài tỉnh	Giờ	525	525	525	100.0	525	100
	Trong đó: tiếng Jrai, Bahnar	"						
1.2	Đài huyện, thị xã, thành phố	Giờ	338.5	338.5	338.5	100.0	338.5	100

Biểu số 4
CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện cả năm 2023	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8	9=8/6
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý ở nông thôn	%	57	58	58.2	102.11	59	101.37
2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý ở đô thị	%	87.64	88.40	89.15	101.72	89.2	100.06
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%	50.4	55	57	113.10	73	128.07
4	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99.6	99.6	99.6	100.00	99.6	100.00

Biểu số 5

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023			Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch 2024 so với ước thực hiện 2023 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2023 so với thực hiện 2022 (%)		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8	9=8/6
I	Hợp tác xã (HTX)							
1	Tổng số HTX	HTX	24	25	25	104.17	27	108.00
	<i>Trong đó:</i>							
	Số HTX đang hoạt động	HTX	20	21	22	110.00	25	113.64
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	2	1	1	50.00	0	0.00
	Số HTX thành lập mới	HTX	3	2	2	66.67	2	100.00
	Số HTX giải thể	HTX	1	2	2	200.00	1	50.00
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	15	20	20	133.33	23	115.00
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX						
2	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	1871	1890	1890	101.02	1910	101.06
	<i>Trong đó:</i>							
	Số thành viên mới	Thành viên	21	25	25	119.05	30	120.00
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	21	25	25	119.05	30	120.00
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên						
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên						
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	95	101	120	126.32	160	133.33
	<i>Trong đó:</i>							
	Số lao động thường xuyên mới	Người						
	Số lao động là thành viên HTX	Người	95	101	120	126.32	160	133.33
4	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	100,906	100,956	100,956		102,000	101.03
5	Tổng vốn đăng ký của HTX	Tr đồng	100,906	100,956	100,956		102,000	101.03
6	Tổng vốn thực góp của HTX	Tr đồng	100,906	100,956	100,956		102,000	101.03
7	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng						
8	Doanh thu	Tr đồng	139,613	150,000	150,000	107.44	167,000	111
9	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	6648	6780	6780	101.99	7000	103.24
	<i>Trong đó:</i>							
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm						
10	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	63	70	70	111.11	72	102.86
11	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	48	50	50	104.17	55	110.00
12	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	72	78	95	131.94	100	105.26
	<i>Trong đó:</i>							
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	38	45	66	173.68	70	106.06
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	34	33	29	85.29	30	103.45
13	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	9	12	12	133.33	15	125
II	Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)							
1	Tổng số LH HTX	LH HTX						
	<i>Trong đó:</i>							
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX						
	Số LH HTX giải thể	LH HTX						
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX						
2	Tổng số HTX thành viên	HTX						
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người						
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng						
5	Tổng vốn đăng ký của LH HTX	Tr đồng						
6	Tổng vốn thực góp của LH HTX	Tr đồng						
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng						
6	Doanh thu LH HTX	Tr đồng						
7	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						
8	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						
III	Tổ hợp tác (THT)							
1	Tổng số THT	THT	16	18	18	112.50	20	111.11

	Trong đó:							
	Số THT thành lập mới	THT	2	2	2	100.00	2	100.00
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	16	18	18	112.5	20	111.11
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	353	360	365	0	370	0.00
3	Tổng số lao động trong THT	Người	353	360	365	100	370	100.00
4	Doanh thu THT	Tr đồng						
5	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm	225	250	250	111.11	270	108.00
6	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm	29	35	35	120.69	40	114.29